

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2018/DS-PT
Ngày 08 - 3 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Chí Tâm

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Mai

Ông Trần Phước Hội.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2017/TLPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp dân sự hợp đồng vay.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2017/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 307/2017/QĐPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C.S;

Địa chỉ: Tòa nhà CC5 khu bán đảo L.Đ – H.M – H.N;

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - Tổng giám đốc;

Người đại diện hợp pháp nguyên đơn: Chị Văn Thị Thanh N - Phó Giám đốc Ngân hàng C.S Phòng giao dịch huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B - sinh năm 1958;

Chị Nguyễn Thị Mai K - sinh năm 1986;

Cùng địa chỉ: Số A, tổ B, ấp B.N, xã N.M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị đơn (bà B): Bà Trần Hồng T

- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Dương Kim L - sinh năm 1965;

Địa chỉ: Số C, tổ D, ấp B.N, xã N.M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn Ngân hàng C.S do chị Trần Thanh T1 trước đây đại diện trình bày:*

Vào năm 2010 bà Nguyễn Thị B có vay của Ngân hàng C.S các khoản tiền cụ thể như sau: Ngày 01/02/2010 vay 4.300.000đ; ngày 07/5/2010 vay 4.300.000đ; ngày 12/11/2010 vay 4.300.000đ. Tổng cộng là 12.900.000đ; thỏa thuận lãi suất trong hạn là 0,5%/tháng, lãi suất quá hạn là 130%/tháng của lãi suất trong hạn. Mục đích vay tiền dùng cho chị Mai K đi học.

Sau đó tính đến ngày 24/6/2016, bà B đã trả cho ngân hàng tiền vốn vay là 7.100.000đ, tiền lãi là 4.479.178đ, còn nợ lại 5.800.000đ tiền vốn, sau đó bà B không trả cho ngân hàng thêm khoản tiền nào. Phòng giao dịch ngân hàng huyện C đã kết hợp với chính quyền địa phương nhắc nhở, động viên bà B trả cho ngân hàng số tiền còn nợ nhưng bà B vẫn không thực hiện. Nay Ngân hàng C.S yêu cầu bà B và chị Mai K (người thừa kế theo hợp đồng vay) phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay còn nợ là 5.800.000đ, tiền lãi tạm tính đến ngày 18/01/2017 là 262.000đ và lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định hợp đồng tín dụng.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:*

Bà B thừa nhận vào năm 2010 bà có vay tiền của Ngân hàng C.S cho con bà là chị Nguyễn Thị Mai K đi học đại học. Nhưng bà chỉ có vay của ngân hàng số tiền 02 lần theo 02 phiếu chi có đúng chữ ký tên và chữ viết họ tên trên 02 biên nhận của bà là vào ngày 01/02/2010 và ngày 07/5/2010 với mỗi lần 4.300.000đ, tổng cộng là 8.600.000đ.

Sau đó đến năm 2016, không nhớ rõ ngày tháng, bà đã trả xong số tiền vốn 8.600.000đ và tiền lãi cho ngân hàng thông qua 02 lần trả, lần đầu trả 4.300.000đ tiền vốn và 1.200.000đ tiền lãi, lần hai trả 4.300.000đ tiền vốn và 1.600.000đ tiền lãi. Số tiền trả do bà B đưa cho bà Dương Kim L, là Tổ trưởng tổ tiết kiệm vay vốn ấp B.N nhận nộp thay.

Như vậy, bà không còn nợ khoản tiền vay nào của ngân hàng. Bà khẳng định bà không vay số tiền 4.300.000đ theo phiếu chi ngày 12/11/2010 và không thừa nhận chữ ký tên, chữ viết họ tên trên phiếu chi này là của bà. Lý do theo bà B trình bày lần vay tiền lần thứ 03 này là bà không được duyệt cho vay. Nhưng bà B không yêu cầu trung cầu giám định chữ ký và chữ viết. Bà B không đồng ý toàn bộ với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Bị đơn chị Nguyễn Thị Mai K trình bày:*

Chị là con của bà B, đang sống chung với bà B. Chị thống nhất với toàn bộ lời trình bày và ý kiến của bà B, không có ý kiến gì khác.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Kim L trình bày:*

Từ tháng 4 năm 2014 đến tháng 4 năm 2017, bà là Tổ trưởng Tổ vay vốn ấp B.N và bà thừa nhận lời trình bày của bà B về việc bà có nhận tiền của bà B để trả cho ngân hàng đúng như số tiền và các lần như bà B trình bày. Còn lần cho vay tiền mà ngân hàng đang tranh chấp thì bà không biết. Bà không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2017/DS-ST ngày: 28/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện C quyết định:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C.S. Buộc bà Nguyễn Thị B và chị Nguyễn Thị Mai K phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng C.S số tiền vốn vay là 5.800.000đ, tiền lãi tạm tính đến ngày 18/01/2017 là 262.000đ và tiền lãi phát sinh từ ngày 19/01/2017 cho đến khi trả xong nợ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Nguyễn Thị B được miễn nộp tiền án phí.

+ Chị Nguyễn Thị Mai K phải chịu 151.500đ.

+ Ngân hàng C.S không phải chịu án phí và được nhận lại 145.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 05224 ngày 30/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 09/8/2017 bà Nguyễn Thị B kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm. Ngày 19/12/2017 bà B có yêu cầu giám định chữ ký và viết tên Nguyễn Thị B theo phiếu chi tiền ngày 12/11/2010 của ngân hàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện nguyên đơn chị N; bị đơn bà B, chị Mai K; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị đơn bà B là bà Hồng T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị L có mặt và khẳng định đã xuất trình thêm đầy đủ chứng cứ cho Tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, chị N đại diện ngân hàng trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và thống nhất với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm. Việc nhận tiền trực tiếp tiền vay từ ngân hàng là do bà B nhận, bà L chỉ là người thu tiền lãi người vay nộp lại cho ngân hàng, còn trả số tiền vốn vay phải là người vay đến trả nợ cho ngân hàng. Theo quy định ngân hàng thì ngân hàng đến làm việc, chi tiền tại Ủy ban nhân dân xã N.M vào ngày 06 (dương lịch) chứ không phải là ngày 11 hàng tháng. Sổ đối chiếu nhật ký tiền quỹ hàng ngày của ngân hàng thì vào ngày 12/11/2010 bà B có nhận tiền vay tại ngân hàng. Hồ sơ của bà B theo xác nhận ngày 06/11/2010 của Ủy ban nhân dân xã N.M thì bà B vẫn là hộ khó khăn nên vẫn được vay tiền năm thứ hai để chị Mai K đi học. Do bà B trình bày là không có vay tiền lần thứ 3 và không đồng ý trả tiền lãi nên phát sinh tranh chấp; ngân hàng không cho bà B tiếp tục vay tiền lần tiếp theo. Qua kết luận giám định cũng xác định chữ ký là của bà B. Từ những cơ sở trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị đơn trình bày: Ngân hàng không có chi tiền cho bà B vay tiền vào ngày 12/11/2010 tại Ủy ban nhân dân xã N.M nên đề nghị yêu cầu chấp nhận kháng cáo của bà B.

Bị đơn bà B trình bày là bà giữ nguyên kháng cáo và yêu cầu xác minh lại những người cùng vay tiền vào ngày 12/11/2010 tại Ủy ban nhân dân xã N.M. Bà không yêu cầu bà L trả lại số tiền đã đưa cho bà L nhận trả thay cho ngân hàng dư 24.967đ.

Chị Mai K thống nhất lời trình bày bà B và không có ý kiến gì thêm.

Bà L trình bày bà chỉ nhận số tiền bà B gửi trả nợ ngân hàng. Bà đã nộp thay vào ngân hàng đủ số tiền bà B gửi trả. Việc tranh chấp bà không có ý kiến.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đúng theo quy định. Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nội dung hợp đồng tín dụng vay tiền giữa các đương sự tranh chấp: Theo ngân hàng xác định bà B đã vay tổng cộng 03 lần tiền vào ngày 01/02/2010, ngày 07/5/2010 và ngày 12/11/2010, mỗi lần đều với số tiền 4.300.000đ. Tổng cộng là 12.900.000đ; thỏa thuận lãi suất trong hạn là 0,5%/tháng, lãi suất quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay. Tính đến ngày 24/6/2016 bà B đã trả được 7.100.000đ tiền vốn và 4.479.178đ tiền lãi, còn lại 5.800.000đ tiền vốn và tiền lãi tạm tính đến ngày 18/01/2017 là 262.000đ.

[2] Bà B thì cho rằng bà chỉ có vay của nguyên đơn 02 lần tiền là ngày 01/02/2010 và 07/5/2010, mỗi lần 4.300.000đ, tổng cộng là 8.600.000đ và trong năm 2016 bà đã trả xong số tiền gốc 8.600.000đ và 2.800.000đ tiền lãi cho ngân hàng qua 02 lần trả. Lần đầu trả 4.300.000đ tiền vốn và 1.200.000đ tiền lãi; lần hai trả 4.300.000đ tiền vốn và 1.600.000đ tiền lãi; bà đưa cho bà Dương Kim L, là Tổ trưởng tổ tiết kiệm vay vốn ấp B.N nhận nộp thay. Còn lần thứ ba mà theo Phiếu chi tiền ngày 12/11/2010 với số tiền 4.300.000đ thì bà không thừa nhận có vay mà cho rằng lần này bà không được duyệt cho vay do gia đình không còn khó khăn theo xác nhận ngày 06/11/2010 và Phiếu chi tiền ngày 12/11/2010 là không có thật.

[3] Các đương sự đều thống nhất số tiền bà B vay ngân hàng sử dụng vào mục đích dùng cho chị Mai K đi học đại học.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm nhận định lời trình bày trên của bà B là không có cơ sở, bởi lẽ: Căn cứ vào Phiếu chi tiền ngày 12/11/2010 có nội dung ngân hàng có chi tiền vay cho bà B 4.300.000đ; trên Phiếu chi có chữ ký tên và chữ

viết họ tên của bà B; bà B không thừa nhận chữ ký tên và chữ viết họ tên trên phiếu chi này nhưng bà không cung cấp chứng cứ chứng minh, cũng không yêu cầu trưng cầu giám định.

[5] Đồng thời căn cứ lời trình bày của đại diện ngân hàng cho rằng phiếu chi tiền ngày 12/11/2010 là loại giấy in kim; tức là giấy chỉ được in, phát hành tại Phòng giao dịch của ngân hàng, nên bà B có đến tại ngân hàng nhận tiền. Không đúng như lời trình bày của bà B cho rằng lần vay tiền thứ ba này được ngân hàng tổ chức phát tiền cho khách hàng tại Hội trường Ủy ban nhân dân xã N.M. Lời khai này phù hợp với lời khai của người làm chứng là anh Đặng Phú S, anh Nguyễn Xuân T2 - cán bộ tín dụng của ngân hàng cũng như người làm chứng Huỳnh Minh Đ và Nguyễn Văn D, là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Hội nông dân xã N.M cũng đều xác nhận không có đợt vay tiền ngày 12/11/2010 tổ chức tại Ủy ban nhân dân xã N.M nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 19/12/2017 bà B đã yêu cầu giám định chữ ký chữ viết của bà trên phiếu nhận tiền vay ngày 12/11/2010 của ngân hàng. Đồng thời cung cấp biên lai thu lãi và thu tiền gửi ngày 30/5/2015, ngày 23/6/2016 của bà Dương Thị L khi thu tiền của bà B nộp tiền gửi trả nợ cho ngân hàng; bà L nhận tiền ký người thu tiền và giao lại cho bà B giữ.

[7] Theo kết luận giám định số 59/KLKTHTS ngày 30/01/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ.T xác định đúng chữ viết, chữ ký mang tên Nguyễn Thị B dưới mục người nhận tiền của phiếu chi tiền ngày 12/11/2010 của Phòng giao dịch ngân hàng C.S huyện C đối chiếu với các chữ ký chữ viết do bà B cung cấp là do cùng một người viết và ký. Như vậy có đủ cơ sở xác định bà B là người ký nhận tiền vay ngân hàng ngày 12/11/2010 là 4.300.000đ.

[8] Về người nhận số tiền thực tế vay thì để được nhận tiền vay của ngân hàng theo quy định của ngân hàng phải do người vay là bà B trực tiếp ký nhận và nhận tiền thì ngân hàng mới chi tiền. Việc này cũng hoàn toàn phù hợp lời khai của bà B việc nhận tiền vay hai lần không tranh chấp với ngân hàng phải là do bà B trực tiếp ký tên và nhận tiền. Mặt khác ngân hàng cung cấp theo sổ đối chiếu tiền quỹ hàng ngày thì vào ngày 12/11/2010 bà B có nhận tiền tại ngân hàng; hồ sơ của bà B theo xác nhận ngày 06/11/2010 của Ủy ban nhân dân xã N.M thì bà B vẫn là hộ khó khăn nên vẫn được vay tiền năm thứ hai để chị Mai K đi học. Bà B không chứng minh được ai là người nhận tiền vay ngân hàng thay cho bà. Chị N, bà B, bà L cũng xác định tổ trưởng tổ vay vốn chỉ là người thu tiền lãi của người vay nộp lại cho ngân hàng; còn vay và trả số tiền vốn vay phải là người vay đến trả nợ cho ngân hàng.

[9] Về số tiền vốn vay và tiền lãi bà B gửi cho bà L nộp trả cho ngân hàng. Do bà B không thống nhất số tiền vốn vay ngân hàng nên ngân hàng đồng ý cho bà L thu tiền bà B gửi trả. Số tiền bà L nộp vào ngân hàng cũng phù hợp với số tiền nợ mà bà L làm biên nhận thu tiền của bà B. Các đương sự không có phát sinh tranh chấp nên không xem xét đến.

[10] Từ những nhận định trên xét yêu cầu kháng cáo của bà B, lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn là không có cơ sở. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị do bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ngân hàng C.S là có căn cứ nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp pháp luật nên chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định giữ nguyên bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà B. Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[11] Về chi phí, án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà B phải chịu án phí phúc thẩm nhưng do bà là người có công cách mạng nên được miễn tiền án phí. Nhưng bà B phải chịu chi phí giám định theo quy định pháp luật là 2.025.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 1 Điều 308, Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 471, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị B.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2017/DS-ST ngày 28/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện C.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C.S. Buộc bà Nguyễn Thị B và chị Nguyễn Thị Mai K phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng C.S số tiền vốn vay là 5.800.000đ, tiền lãi tính đến ngày 18/01/2017 là 262.000đ và tiền lãi phát sinh từ ngày 19/01/2017 theo khế ước vay tiền số 230642SV10 cho đến khi trả xong nợ.

- Về án phí, chi phí tố tụng dân sự:

Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Nguyễn Thị B được miễn nộp tiền án phí.

+ Chị Nguyễn Thị Mai K phải chịu 151.500 đồng.

+ Ngân hàng C.S không phải chịu án phí và được nhận lại 145.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 05224 ngày 30/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Án phí, chi phí dân sự phúc thẩm:

+ Bà Nguyễn Thị B được miễn nộp tiền án phí.

+ Về chi phí trưng cầu giám định: Bà Nguyễn Thị B phải chịu là 2.025.000đ nhưng do đã nộp tạm ứng và đã chi xong nên bà B không phải nộp thêm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp;
- Tòa án huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Chí Tâm